

Số: /2025/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Thực hiện Đề án số 25-ĐA/TU ngày 17/01/2025 của Tỉnh ủy về đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1391/TTr-SNNMT ngày 14/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu Ủy Ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về nông nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn; chất lượng đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; quản lý nhà nước về giảm nghèo theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có con dấu riêng, có tư cách pháp nhân và được mở tài khoản giao dịch theo quy định tại Điều 2 Thông tư 18/2020/TT-BTC về đối tượng mở tài khoản tại kho bạc nhà nước; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn nghiệp vụ của các Cục chuyên ngành liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Về trồng trọt và bảo vệ thực vật

a) Tham mưu Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng

phù hợp với địa phương, cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn; kế hoạch phát triển trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; kế hoạch phòng chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa, kiểm dịch thực vật đối ngoại (nếu được uỷ quyền).

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất trồng trọt hàng năm phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh; sản xuất trồng trọt giảm phát thải, sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng, bảo vệ và cải tạo nâng cao độ phì đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa (suy thoái đất do khô hạn) và sạt lở đất; hướng dẫn và tổ chức triển khai cấp và quản lý mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng; quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

g) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGap) trong nông nghiệp.

2. Về chăn nuôi và thú y

a) Tham mưu Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chiến lược, kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi của địa phương; quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh về khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ, sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc thú y; các quy định, chính sách, hướng dẫn về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ

sinh thú y; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và tổ chức vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, vùng chăn nuôi, sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc động vật gắn với xử lý chất thải và bảo vệ môi trường; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; cơ sở dữ liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật tại địa phương.

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động chăn nuôi, hoạt động thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam khi được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống vật nuôi; quản lý giống vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và các vật tư khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật.

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc thú y, vật tư, hàng hóa thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

g) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y theo quy định của pháp luật.

h) Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan, thức ăn chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước trên địa bàn tỉnh; kiểm tra điều kiện, đánh giá giám sát duy trì điều kiện của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; giám sát việc tiêu hủy đối với thức ăn chăn nuôi vi phạm chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ; đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo quy định của pháp luật.

i) Tổ chức cung ứng dịch vụ sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước đặc thù trong lĩnh vực thú y về tiêu độc khử trùng cho các cơ sở và phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

3. Về thủy sản

a) Tham mưu Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; quyết định công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên; quyết định thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cấp tỉnh; quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác thủy sản chưa có tên trong danh mục theo quy định của pháp luật; hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản, sản lượng cho phép khai thác theo loài tại vùng ven bờ thuộc phạm vi quản lý.

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động thủy sản trên địa bàn; tổ chức sản xuất khai thác thủy sản; quản lý đối với khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản; điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, khu bảo tồn đất ngập nước, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản; xây dựng cơ sở dữ liệu về thủy sản trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

c) Thực hiện quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát hoạt động khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định pháp luật.

d) Quản lý tàu cá, tàu công vụ thủy sản, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo phân cấp và quy định pháp luật; thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định của pháp luật về khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn thực phẩm trên tàu cá; quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu giám sát tàu cá của tỉnh, xử lý dữ liệu giám sát tàu cá đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét; thu thập, tổng hợp báo cáo số liệu về thủy sản theo quy định.

đ) Quản lý khai thác thủy sản tại vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn tỉnh theo quy định.

e) Tổ chức thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm tại chợ thủy sản đầu mối trên địa bàn tỉnh; quản lý mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Về diêm nghiệp

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức chế biến muối tại địa phương.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc chế biến, bảo quản muối và các sản phẩm từ muối ở địa phương; thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, môi trường của các cơ sở chế biến, kinh doanh muối (không bao gồm muối dùng trong lĩnh vực y tế).

5. Về phát triển nông thôn

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp; tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản, tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống; phát triển ngành thủ công mỹ nghệ; đào tạo, phổ biến chính sách công trong nông nghiệp; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

b) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp; bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn; theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện; định canh; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn gắn với tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

d) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn; chương trình hành động không còn nạn đói; bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các chương trình, dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công và quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Về chất lượng nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn điều kiện; tổ chức thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện theo quy định đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản và muối; tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp.

c) Thực hiện các chương trình giám sát dư lượng, kiểm tra cơ sở và truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân vi phạm trên địa bàn tỉnh.

d) Kiểm tra, truy xuất, thu hồi và xử lý sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và các quy định của pháp luật.

đ) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

e) Quản lý hoạt động kiểm tra và tổ chức cung cấp dịch vụ công về chất lượng nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

g) Quản lý chất lượng nông sản, thủy sản và muối tại khu vực và trung tâm logistics nông sản, chợ đầu mối, chợ nông sản trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Về giảm nghèo

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách giảm nghèo; chế độ, chính sách và pháp luật đối với người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo thẩm quyền; các chương trình, đề án, dự án về giảm nghèo.

c) Tổng hợp, thống kê số liệu về người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

8. Về chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

c) Thực hiện công tác thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường, chương trình phát triển thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

d) Thực hiện hướng dẫn và tổ chức triển khai cấp và quản lý mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật

9. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

10. Giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về nông nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn, chất lượng đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối, giảm nghèo đã được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

11. Trình Lãnh đạo Sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

12. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về lĩnh vực được giao trên bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

13. Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành trong quản lý chuyên ngành về bảo vệ, kiểm dịch thực vật, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

14. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định của pháp luật.

15. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trên lĩnh vực nông nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn; chất lượng đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; đối với Phòng Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố; chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác, chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và môi trường công tác trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

16. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn; chất lượng đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; quản lý nhà nước về giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

17. Phối hợp thực hiện chuyển đổi số trong theo quy định trong lĩnh vực nông nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn; chất lượng đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

18. Tham mưu Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành công bố các thủ tục hành chính mới, quy trình nội bộ, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, rà soát đơn giản hóa, chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị; cập nhật kịp thời các quy trình thủ tục hành chính lên hệ thống thông tin điện tử Quốc gia và của tỉnh.

19. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn thuộc Chi cục theo hướng dẫn chung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

20. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức; cơ cấu ngạch công chức, viên chức; vị trí việc làm trong Chi cục; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Sở.

21. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Sở.

22. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Sở, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Cục chuyên ngành và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

23. Chủ trì tham mưu Lãnh đạo Sở thực hiện lập đề cương, dự thảo dự toán kinh phí, theo dõi tiến độ thực hiện; phối hợp với Phòng Quản lý xây dựng công trình kiểm tra về số lượng, chất lượng sản phẩm, kết quả của các kế hoạch, nhiệm vụ, dự án có sử dụng vốn ngân sách thuộc lĩnh vực, chức năng quản lý của đơn vị.

24. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phân công và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn thuộc Chi cục gồm:

- a) Phòng Hành chính.
- b) Phòng Trồng trọt, Bảo vệ thực vật.
- c) Phòng Quản lý chất lượng.
- d) Phòng Chăn nuôi và Thủy sản.
- đ) Phòng Thú y.
- e) Phòng Phát triển nông thôn.

3. Đơn vị trực thuộc Chi cục:

- a) Trạm Chăn nuôi và Thú y Tân An.
- b) Trạm Chăn nuôi và Thú y Kiến Tường.
- c) Trạm Chăn nuôi và Thú y Bến Lức.

- d) Trạm Chăn nuôi và Thú y Châu Thành.
- đ) Trạm Chăn nuôi và Thú y Tân Trụ.
- e) Trạm Chăn nuôi và Thú y Cần Đước.
- g) Trạm Chăn nuôi và Thú y Cần Giuộc.
- h) Trạm Chăn nuôi và Thú y Đức Hòa.
- i) Trạm Chăn nuôi và Thú y Đức Huệ.
- k) Trạm Chăn nuôi và Thú y Thủ Thừa.
- l) Trạm Chăn nuôi và Thú y Thạnh Hóa.
- m) Trạm Chăn nuôi và Thú y Tân Thạnh.
- n) Trạm Chăn nuôi và Thú y Mộc Hóa.
- o) Trạm Chăn nuôi và Thú y Vĩnh Hưng.
- p) Trạm Chăn nuôi và Thú y Tân Hưng.

Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng, các công chức, viên chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và người lao động. Các Trạm Chăn nuôi và Thú y có Trưởng trạm, Phó Trưởng trạm và công chức, viên chức.

Các chức danh quản lý các phòng chuyên môn, Trạm Chăn nuôi và Thú y thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định.

2. Biên chế

a) Lãnh đạo Chi cục: Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Chi cục trưởng và không quá 03 Phó Chi cục trưởng. Chi cục trưởng Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục. Phó Chi cục trưởng giúp Chi cục trưởng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Chi cục trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Số lượng cấp phó nêu trên không quá 03 năm tính từ thời điểm có quyết định hợp nhất của cơ quan có thẩm quyền. Sau đó, số lượng cấp phó thực hiện theo quy định. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng do Giám đốc Sở quyết định theo phân cấp thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Biên chế công chức của Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định phân bổ trong tổng chỉ tiêu biên chế của Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ hàng năm trên cơ sở đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Việc quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với công chức, người lao động của Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

d) Số lượng người làm việc trong đơn vị trực thuộc Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định phân bổ hằng năm trên cơ sở đề án xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Mỗi quan hệ công tác

1. Đối với Lãnh đạo Sở: Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở phụ trách; được Giám đốc Sở uỷ quyền tham dự các cuộc họp có liên quan đến công tác chuyên môn của Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đóng góp ý kiến về các vấn đề chuyên môn hoặc vấn đề khác thuộc phạm vi được uỷ quyền theo quy định.

2. Đối với các phòng, đơn vị thuộc Sở: phối hợp chặt chẽ để thực hiện các nhiệm vụ do lãnh đạo Sở giao và tuân theo quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường trường hợp có vướng mắc kịp thời báo cáo Giám đốc Sở để chỉ đạo.

3. Đối với phòng Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: phối hợp trong triển khai nhiệm vụ chung của ngành.

4. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp và công dân: phối hợp thực hiện đúng chức năng, trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ được giao và trách nhiệm của công chức nhà nước phục vụ tổ chức và công dân.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05/5/2025 và thay thế Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND, Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND, Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản; Chi cục Phát triển nông thôn và Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Long An.

2. Chi cục Trưởng Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm triển khai, quán triệt, chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này; ban hành phân công nhiệm vụ cho từng công chức của Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Trưởng Chi cục Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố, các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Phòng THKSTTHC;
- Lưu: VT, DK.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**